



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Bankruptcy Law Reform for Enhancing the Business Environment in Vietnam

Tran Anh Tu*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 28th May 2025

Revised 20 June 2025; Accepted 30 June 2025

Abstract: Improving the business environment and enhancing national competitiveness have been important and ongoing tasks consistently pursued by the Vietnamese Government over the past few years. These will continue to be a key focus in institutional and legal reforms in Vietnam in the coming period, especially in the context of the Resolution 68-NQ/TW by the Communist Party of Vietnam's Central Committee on the development of the private economy. In essence, this is a comprehensive legal framework designed to operate a socialist-oriented market economy, in which bankruptcy law can significantly impact and influence the investment and business environment in Vietnam. This article analyzes the requirements of bankruptcy law in meeting the criteria set out in the Doing Business reports and the Business Ready reports by the World Bank Group group, as a basis for proposing recommendations to reform the current bankruptcy law to improve the business environment in Vietnam.

Keywords: Business environment, business environment reform, bankruptcy law, bankruptcy law reform.

* Corresponding author.

E-mail address: tuta@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4776>

Hoàn thiện pháp luật phá sản để đáp ứng yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam

Trần Anh Tú*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 28 tháng 5 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên mà Chính phủ Việt Nam đã thực hiện trong suốt những năm vừa qua và vẫn sẽ là một trọng tâm trong cải cách thể chế và pháp luật ở Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Với tính chất là một bộ phận quan trọng của khung pháp luật nhằm vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật phá sản có khả năng tác động và ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam. Bài viết phân tích các yêu cầu của pháp luật phá sản nhằm đáp ứng các tiêu chí của Báo cáo Môi trường kinh doanh (Doing Business) trước đây và nay là Báo cáo sẵn sàng kinh doanh (Business Ready) của Nhóm Ngân hàng Thế giới, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật phá sản hiện hành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam.

Từ khóa: Môi trường kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh, pháp luật phá sản, hoàn thiện pháp luật phá sản.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/1/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 có đưa ra đánh giá: Từ năm 2014, Chính phủ đã xác định cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hướng tới phát triển bền vững là một trọng tâm cải cách, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên [1]. Theo đó, hàng năm Chính phủ ban hành Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia với các mục tiêu, giải pháp cụ thể, bám sát các chỉ số xếp hạng của các tổ chức quốc tế có uy tín [2][3]. Nghị quyết nhấn

mạnh: Các bộ, cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm cải thiện các yếu tố môi trường kinh doanh, tiếp tục thực hiện các giải pháp theo hướng giảm số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, trong đó có yếu tố về giải quyết phá sản doanh nghiệp [4].

Với tính chất là một bộ phận quan trọng của khung pháp luật nhằm vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật phá sản có khả năng tác động và ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam hiện nay, có thể tạo ra những thuận lợi hay gây cản trở, khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, việc doanh

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tuta@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4776>

ng nghiệp phá sản là điều khó tránh khỏi, đòi hỏi phải có sự can thiệp của Nhà nước vào hiện tượng này nhằm hạn chế tối đa những hậu quả tiêu cực và khai thác những mặt tích cực của nó. Thông qua pháp luật phá sản, Nhà nước có thể can thiệp vào quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp một cách năng động và hết sức mềm dẻo. Để đảm bảo điều đó, thủ tục phá sản cũng phải linh hoạt, mềm dẻo trong việc điều tiết một cách có hiệu quả mối quan hệ về lợi ích giữa các chủ thể có liên quan, đặc biệt là các xung đột lợi ích phát sinh giữa các chủ nợ và con nợ qua đó nhằm đạt được các chức năng điều chỉnh của mình [5].

Tại Việt nam, trải qua hai lần sửa đổi và thay thế, Luật Phá sản năm 2014 đã thể hiện bước cải cách lớn, khắc phục những hạn chế, vướng mắc từ thực tiễn thi hành Luật Phá sản năm 2004 và Luật phá sản năm 1993; tạo môi trường pháp lý bình đẳng, lành mạnh, hỗ trợ mọi loại hình doanh nghiệp cạnh tranh tồn tại trong sự tiến bộ, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, theo kết quả tổng hợp báo cáo của các Tòa án nhân dân (TAND), từ khi Luật Phá sản 2014 có hiệu lực thi hành, số lượng vụ việc phá sản mà TAND các cấp thụ lý, giải quyết vẫn chưa phản ánh đúng thực trạng doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, ngừng hoạt động trên thị trường, mặc dù số lượng vụ việc đã tăng lên đáng kể so với giai đoạn áp dụng Luật phá sản năm 2004 trước đó. [6].

Báo cáo Môi trường kinh doanh 2019 của Nhóm Ngân hàng Thế giới (WBG) đánh giá chỉ số liên quan đến việc xử lý tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp của Việt Nam ở thứ hạng khá thấp, đáng báo động (xếp thứ 133/189 quốc gia, nền kinh tế được xếp hạng) [7]. Tháng 9/2021, WBG đã thông báo ngừng phát hành Doing Business, nhưng năm 2024, tổ chức này lại phát hành một loại báo cáo mới thay thế có tên là Báo cáo Sẵn sàng kinh doanh (B-Ready). B-Ready đưa ra một cách tiếp cận mới trong đánh giá môi trường kinh doanh tại các quốc gia, trong đó vẫn thể hiện yêu cầu đánh giá về chỉ số phá sản của các quốc gia. Theo B-Ready năm 2024, chỉ số về phá sản doanh nghiệp (business insolvency) của Việt Nam đã tăng

đáng kể (được xếp nhóm thứ 2 trong 50 quốc gia với 55,12 điểm) [8]. Tuy nhiên, trong nỗ lực chung về cải cách thể chế và pháp luật mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành ở Việt Nam hiện nay, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật phá sản dựa trên các tiêu chí của WBG về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh vẫn rất cần thiết và cần được xem là một hướng tiếp cận quan trọng trong quá trình sửa đổi các quy định của Luật phá sản năm 2014.

Bài viết sẽ chỉ ra những yêu cầu và một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật phá sản, qua đó giúp nâng cao hơn nữa chỉ số xếp hạng về môi trường kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay.

2. Những yêu cầu đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật phá sản nhằm cải thiện môi trường kinh doanh

Theo phương pháp đánh giá của WBG trong Doing Business (hiện nay là B-Ready), chỉ số giải quyết phá sản doanh nghiệp được đo lường bằng thời gian, chi phí và kết quả giải quyết phá sản của doanh nghiệp trong nước cũng như đo lường chất lượng của khuôn khổ pháp lý về phá sản doanh nghiệp (đối thủ tục thanh lý và tái tổ chức doanh nghiệp). Chỉ số này được đo lường, đánh giá, xếp hạng theo 2 nhóm tiêu chí: (1) Tỷ lệ thu hồi trong giải quyết phá sản, bao gồm: thời gian thu hồi nợ; chi phí (% giá trị tài sản của doanh nghiệp); kết quả (doanh nghiệp giữ được tài sản hay phải bán từng phần); tỷ lệ thu hồi đối với chủ nợ có bảo đảm (cent/dolar); tỷ lệ phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; (2) Chất lượng của khuôn khổ pháp lý về phá sản doanh nghiệp. Chất lượng của khuôn khổ pháp lý về phá sản doanh nghiệp lại được đánh giá dựa trên: 1. Hệ số mở thủ tục phá sản doanh nghiệp (Mức độ sẵn có về quy định thanh lý và tái tổ chức đối với chủ nợ và con nợ, chuẩn mực về mở thủ tục phá sản doanh nghiệp); 2. Hệ số quản lý tài sản (Tiếp tục và từ bỏ hợp đồng trong quá trình giải quyết phá sản, tránh các giao dịch định giá ưu đãi hoặc dưới giá trị, tài chính sau khi mở

thủ tục phá sản); 3. Hệ số thủ tục tái tổ chức doanh nghiệp (Phê duyệt kế hoạch và nội dung kế hoạch tái tổ chức doanh nghiệp); 4. Hệ số sự tham gia của chủ nợ (Sự tham gia của chủ nợ và quyền của chủ nợ trong thanh lý và tái cấu trúc doanh nghiệp).

Qua nghiên cứu chi tiết các chỉ tiêu đánh giá của WBG đối với vấn đề giải quyết vụ việc phá sản và khung pháp lý về phá sản doanh nghiệp, có thể thấy rằng để nâng cao hiệu quả thực thi, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, qua đó thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển, tác giả cho rằng việc sửa đổi Luật Phá sản ở Việt Nam hiện nay phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất: Tối ưu hóa khả năng thu hồi nợ cho các chủ nợ thông qua thủ tục phá sản.

Trong lịch sử pháp lý, pháp luật phá sản ra đời đã cung cấp thêm cho các chủ nợ một công cụ đòi nợ mới tồn tại song hành nhưng có tính chất khác biệt hoàn toàn so với thủ tục đòi nợ dân sự (thông qua tố tụng dân sự) [9]. Khi phải giải quyết yêu cầu đòi nợ của nhiều chủ nợ đối với một con nợ mà sản nghiệp còn lại của con nợ không đủ để thanh toán thì việc đòi nợ riêng lẻ theo thủ tục dân sự đã thể hiện một số khiếm khuyết như: tạo ra sự bất bình đẳng giữa những chủ nợ có thời điểm đáo hạn khác nhau và đặc biệt sẽ làm cho chi phí đòi nợ gia tăng [10]. Thủ tục phá sản với bản chất nguyên thủy là một công cụ đòi nợ “tập thể” [11] đã bù đắp cho những khiếm khuyết này của thủ tục đòi nợ dân sự bằng cách thiết lập một quy trình lấy nợ chung cho nhiều chủ nợ khác nhau trên cùng một sản nghiệp phá sản của con nợ. Mặc dù xu hướng chung của pháp luật phá sản các quốc gia trên thế giới ngày nay là hướng vào con nợ nhằm phục hồi khả năng tài chính và hoạt động của con nợ mất khả năng thanh toán trên cơ sở hài hòa lợi ích với các chủ thể có liên quan [12] song việc tối ưu hóa khả năng thu hồi nợ cho các chủ nợ vẫn là chức năng rất quan trọng của thủ tục phá sản và chức năng này hoàn toàn không mâu thuẫn với việc pháp luật phá sản hướng vào con nợ. Để tối ưu hóa khả năng thu hồi nợ cho các chủ nợ, pháp luật phá sản cần tạo ra một quy trình tố tụng linh hoạt có khả năng rút ngắn được thời gian thực tế cho việc giải quyết trọn vẹn một vụ việc phá sản,

giảm chi phí tổng thể và đặc biệt phải quản trị được sản nghiệp phá sản một cách hiệu quả nhất.

Khi đã để cho hoạt động kinh doanh đổ vỡ đến mức mất khả năng thanh toán, thương nhân vỡ nợ hoặc những người quản lý của thương nhân vỡ nợ thường đã bất lực và mất luôn khả năng kiểm soát một cách hiệu quả sản nghiệp phá sản, thậm chí họ có xu hướng thực hiện những hành vi tiêu cực làm tiêu tán sản nghiệp hoặc tư lợi và điều này làm tổn hại đến lợi ích của các chủ nợ. Do đó, pháp luật phá sản của bất kỳ quốc gia nào cũng đều chú trọng tới việc bảo toàn và phát triển sản nghiệp phá sản của con nợ. Quản lý sản nghiệp phá sản của con nợ là việc bảo quản, gìn giữ và phát triển sản nghiệp phá sản, bảo đảm cho sản nghiệp đó không bị tiêu tán, thất thoát và phải được sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả. Đây là một công việc phức tạp, đòi hỏi cao về kỹ thuật tài chính, kế toán và kỹ năng quản trị doanh nghiệp. Do đó, để việc quản lý sản nghiệp phá sản của con nợ đạt hiệu quả cần thiết phải có một thiết chế quản tài chuyên nghiệp, có kiến thức đầy đủ về tài chính, kế toán, quản trị và đặc biệt phải am hiểu về thực tiễn kinh doanh chứ không chỉ đơn thuần là kiến thức pháp lý.

Thứ hai: Đưa ra những cơ hội cho việc tái cấu trúc lại các khoản nợ và phục hồi hoạt động của con nợ thay vì buộc chấm dứt sự tồn tại và thanh lý tài sản con nợ.

Đối với các chủ nợ, khi con nợ lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, việc thu hồi và phát mại sản nghiệp phá sản của con nợ để phân chia rõ ràng không phải là một lựa chọn tối ưu, bởi khi đó, với phần sản nghiệp còn lại của mình, con nợ sẽ không có khả năng thanh toán toàn bộ số nợ cho các chủ nợ. Nói cách khác trong trường hợp này, phần nhận được của các chủ nợ rõ ràng sẽ nhỏ hơn trái quyền mà đáng ra họ được hưởng. Nếu bằng một cách nào đó, con nợ có thể phục hồi khả năng tài chính của mình thì đó mới là giải pháp tốt nhất cho việc lấy nợ từ các chủ nợ.

Tuy nhiên, khi con nợ đã lâm vào khủng hoảng tới mức mất khả năng thanh toán, sẽ thật khó cho con nợ bằng khả năng của chính mình có thể tự phục hồi thành công. Để cứu lấy “sự sống” cho một thương nhân vỡ nợ, nhất thiết cần

tới sự trợ giúp rất lớn từ phía các chủ nợ và trên thực tế sự trợ giúp này hoàn toàn phù hợp với lợi ích của chính các chủ nợ. Đó đó, có thể hiểu rằng, quá trình phục hồi hoạt động kinh doanh cho một con nợ lâm vào tình trạng phá sản chính là một cuộc “phẫu thuật” nhằm “câu trúc lại” con nợ với vai trò chính yếu của các chủ nợ. Trong quá trình “câu trúc lại” con nợ đó, các chủ nợ có thể đóng nhiều vai trò khác nhau như: hỗ trợ về tài chính, công nghệ, thị trường,...; tham gia trực tiếp vào quá trình quản trị hay thậm chí có thể chuyển đổi vai trò từ chủ nợ sang chủ sở hữu thông qua quá trình chuyển nợ thành vốn góp (thâu tóm con nợ).

Cũng cần lưu ý rằng, khả năng phục hồi thành công hoạt động kinh doanh cho một con nợ phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố khác nhau từ “năng lực” của chính con nợ cho tới thiện chí của các chủ nợ. Theo quy định chung của nhiều nước trên thế giới, sau khi xác định thương nhân không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn, Tòa án sẽ tiến hành xem xét tình trạng tài chính và khả năng phục hồi hoạt động của thương nhân để áp dụng một trong các loại thủ tục: phục hồi hoạt động kinh doanh; thanh toán tài sản cho phù hợp với thương nhân đó. Điều đó có nghĩa là, Tòa án cũng có thể tuyên bố phá sản và thực hiện ngay việc phân chia tài sản của con nợ cho các chủ nợ nếu có đủ căn cứ để chứng minh rằng trên thực tế đã không còn khả năng cứu vớt con nợ [13].

Theo xu hướng chung hiện nay, các đạo luật phá sản được coi là hiện đại trên thế giới đều rất coi trọng việc cứu vãn hoạt động kinh doanh của con nợ khi mà quyền lợi của chủ nợ và các lợi ích xã hội khác có thể được đáp ứng tốt hơn bằng cách duy trì hoạt động của con nợ chứ không phải là thanh lý tài sản của con nợ [14]. Tòa án chỉ tuyên bố phá sản con nợ trong những trường hợp bất đắc dĩ, khi các biện pháp khôi phục hoạt động kinh doanh và khả năng thanh toán của con nợ không thành công... Luật phá sản năm 2014 của Việt Nam đang theo đuổi triết lý này, mặc dù trên thực tế tính hiệu quả của thủ tục phục hồi theo pháp luật phá sản hiện nay ở Việt Nam là không cao.

Thứ ba: Tôn trọng sự tự do ý chí của chủ nợ và con nợ trong việc thỏa thuận để giải phóng nợ.

Trọng tâm của việc giải quyết một vụ phá sản chính là giải quyết mối quan hệ giữa các chủ nợ với con nợ liên quan đến vấn đề thanh toán nợ. Ngoài trừ những trường hợp man trá, sự đổ vỡ trong kinh doanh dẫn đến việc ngưng trả nợ là điều không mong muốn của mọi thương nhân. Cầu viện tới sự can thiệp của Luật phá sản là điều bất đắc dĩ của cả chủ nợ lẫn con nợ. Thông qua thủ tục phá sản, mối quan tâm lớn nhất của các chủ nợ không phải là chấm dứt sự tồn tại của con nợ mà nhằm hướng đến việc thu hồi nợ một cách công bằng, nhanh chóng và hiệu quả. Về phía con nợ, một con nợ thiện chí cũng luôn mong muốn đáp ứng tốt nhất quyền chủ nợ trong khả năng của mình và sau đó được giải phóng khỏi nghĩa vụ trả nợ. Do đó, pháp luật phá sản cần chú trọng đúng mức tới việc cho phép các chủ nợ và con nợ, bằng ý chí của mình, có thể tự định đoạt việc giải quyết vụ việc phá sản.

Trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản, các chủ nợ và con nợ có quyền tự do ý chí trong việc thỏa thuận, dàn xếp các khoản nợ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, do tính chất “tập thể” của vụ việc phá sản, sự thỏa thuận giữa chủ nợ và con nợ trong thủ tục phá sản có những đặc trưng riêng. Họ hoàn toàn có quyền tự do thỏa thuận để dàn xếp nợ bằng các biện pháp như xóa nợ, hoãn nợ, mua bán nợ, chuyển đổi nợ thành vốn góp... Tuy nhiên, một khi Tòa án đã ra quyết định mở thủ tục phá sản thì mọi sự thỏa thuận riêng rẽ giữa từng chủ nợ với con nợ sẽ chỉ được chấp nhận nếu không chống lại (hay làm tổn hại đến) lợi ích của các chủ nợ khác và tổng thể chủ nợ. Nói cách khác, tính chất “lấy nợ tập thể trên cùng một sản nghiệp” của thủ tục phá sản luôn đòi hỏi một sự tập trung ý chí của các chủ nợ trong các quyết định liên quan đến con nợ.

Thứ tư: Quy định cách thức đối xử một cách công bằng giữa các chủ nợ

Về bản chất, một vụ “đòi nợ tập thể” thông qua thủ tục phá sản sẽ có nhiều chủ nợ. Các chủ nợ này được phân chia thành nhiều loại với những đặc điểm khác nhau nhưng cùng có quyền chủ nợ trên sản nghiệp phá sản của con nợ. Chính vì vậy, pháp luật phá sản trên cơ sở sự phân loại chủ nợ và đánh giá tính chất của từng loại khoản nợ để xác định các quyền ưu tiên thanh toán cho

từng nhóm chủ nợ một cách thích hợp, qua đó, tạo ra một cơ chế lấy nợ công bằng và hiệu quả. Pháp luật phá sản của các quốc gia thường xem xét đến các loại chủ nợ sau: Chủ nợ đối với khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn; Chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ không có bảo đảm; Chủ nợ mới và chủ nợ cũ; Chủ nợ đối với các khoản nợ thương mại và chủ nợ là Nhà nước (nợ thuế, phí...); Nợ người lao động và các khoản nợ có đặc quyền thanh toán khác v.v...

Thứ năm: Dem lại khởi đầu mới cho những con nợ trung thực

Một nội dung không kém phần quan trọng trong việc điều tiết lợi ích giữa chủ nợ và con nợ thông qua thủ tục phá sản là việc bảo đảm cho con nợ được rút lui một cách “an toàn” và có cơ hội để làm lại sự nghiệp kinh doanh của mình, tạo lập cho mình một sản nghiệp mới sau khi vụ việc phá sản chấm dứt.

Sau khi quyết định tuyên bố phá sản được Tòa án đưa ra, thương nhân vỡ nợ đã phải mang toàn bộ sản nghiệp thương mại của mình để thực hiện việc thanh toán các khoản nợ. Tuy nhiên, nếu các khoản nợ vẫn chưa được thanh toán đủ thì phần nợ còn thiếu của chủ nợ sẽ được giải quyết ra sao? Câu trả lời hoàn toàn phụ thuộc vào quy chế pháp lý của từng loại thương nhân và quy định cụ thể của pháp luật phá sản mỗi quốc gia. Nếu con nợ là một thương nhân pháp nhân và các thành viên chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ của thương nhân trong phạm vi phần vốn đã góp thì sau quyết định tuyên bố phá sản, thương nhân đó sẽ chấm dứt hoạt động và chủ nợ cũng sẽ không còn đối tượng để truy đòi nợ. Nếu con nợ là thương nhân đơn lẻ hay con nợ mặc dù là một pháp nhân nhưng các thành viên của pháp nhân đó có nghĩa vụ bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của pháp nhân (như trường hợp thành viên hợp danh trong công ti hợp danh) thì sau khi con nợ bị tuyên bố phá sản và toàn bộ sản nghiệp phá sản đã được mang để trả nợ hết, việc có phải thanh toán tiếp phần khoản nợ còn thiếu hay không phụ thuộc vào quy định của pháp luật phá sản mỗi quốc gia. Có thể dễ nhận thấy, động lực rất lớn để các con nợ chủ động tìm tới thủ tục phá sản (phá sản tự nguyện) chính là cơ may để được giải phóng khỏi các nghĩa vụ trả nợ và tạo lập một sự

niệp kinh doanh mới. Do đó, đối với cá nhân vỡ nợ, cần nhấn mạnh tuyên bố miễn trách, xoá nợ, tạo cho họ cơ may lập nghiệp mới, một hệ quả đặc biệt mang tính nhân đạo của phá sản cá nhân so với phá sản công ty [15].

3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật phá sản nhằm cải thiện môi trường kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

3.1. Về tiêu chí mở thủ tục phá sản

Để xác định doanh nghiệp, hợp tác xã (DN, HTX) lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán làm căn cứ cho thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản, Khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản năm 2014 quy định: “Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán khi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán”. Như vậy, nội hàm của khái niệm mất khả năng thanh toán được xác định có nhiều điểm khác biệt so với Luật Phá sản năm 2004, cụ thể là:

Thứ nhất, tiêu chí xác định DN, HTX mất khả năng thanh toán là “không thực hiện nghĩa vụ thanh toán” chứ không phải là “không có khả năng thanh toán” hay “không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán”.

Thứ hai, thời hạn không thanh toán nợ là 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán (mà không kèm theo điều kiện khi chủ nợ có yêu cầu đòi nợ).

Thứ ba, không bắt buộc phải có từ hai khoản nợ không được thanh toán trở lên (chỉ cần một khoản nợ là thỏa mãn).

Có thể thấy rằng, quy định này đang bộc lộ những vấn đề sau đây:

- Việc xác định tình trạng mất khả năng thanh toán của con nợ làm căn cứ cho việc mở thủ tục phá sản cần xuất phát từ bản chất thực sự, nguyên thủy của thủ tục phá sản - vốn dành cho các thương nhân sa cơ lỡ vận, gặp khó khăn tới mức không trả được nợ cho bạn hàng, phải chấm dứt hoạt động kinh doanh một cách không mong muốn (kể cả trong trường hợp tự nguyện hay

cưỡng bách), thủ tục này rất khác với thủ tục đòi nợ dân sự. Do đó, không nhất thiết phải coi thủ tục phá sản như một công cụ nhằm “gây sức ép với con nợ” nhằm buộc con nợ trả nợ.

- Việc coi DN, HTX mất khả năng thanh toán là “không thực hiện nghĩa vụ thanh toán” chứ không phải là “không có khả năng thanh toán” là không phù hợp với trường hợp phá sản tự nguyện, vì trong trường hợp phá sản tự nguyện, rõ ràng con nợ không thể tự tìm đến với thủ tục phá sản nếu không thực sự mất khả năng thanh toán.

Như vậy, để phù hợp với bản chất của thủ tục phá sản và để đảm bảo sự thống nhất trong các quy định của pháp luật phá sản, khi sửa đổi Luật phá sản cần quy định thống nhất căn cứ mở thủ tục phá sản là con nợ không có khả năng thanh toán nợ đến hạn hoặc phải phân định rõ căn cứ mở thủ tục phá sản trong trường hợp phá sản tự nguyện và phá sản cưỡng bách. Đối với trường hợp phá sản tự nguyện con nợ phải không có khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Đối với quy định về thời hạn ngừng thanh toán nợ để DN, HTX được coi là lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, Ban soạn thảo Luật Phá sản (sửa đổi) năm 2025 đang có phương án nâng từ 03 tháng lên thành 6 tháng [16]. Tuy nhiên cũng cần thiết phải phân biệt rõ giữa trường hợp phá sản tự nguyện và cưỡng bách. Trong trường hợp phá sản tự nguyện, khi con nợ đã tự nhận thấy và có thể chứng minh được mình rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán thì không nhất thiết phải chờ đủ một khoảng thời hạn nào đó để có thể đệ đơn yêu cầu mở thủ tục phục hồi hay phá sản.

3.2. Về đối tượng áp dụng của Luật phá sản

Điều 2 Luật Phá sản năm 2014 quy định: Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Như vậy pháp luật phá sản Việt Nam hiện nay không áp dụng đối với các cá nhân kinh doanh hay các hộ gia đình kinh doanh và các loại chủ

thể khác. Tuy nhiên, trên thực tế, việc phá sản đối với doanh nghiệp tư nhân thực chất là phá sản đối với thương nhân đơn lẻ và chúng ta cũng sẽ không thể xác định rạch ròi được đây là trường hợp phá sản thương mại hay phá sản tiêu dùng do quy chế pháp lý rất đặc biệt của loại chủ thể kinh doanh này hiện nay. Đồng thời, theo quy định của Nghị định 01/NĐ-CP năm 2021 thì quy chế pháp lý của hộ kinh doanh do một người đứng tên đăng ký kinh doanh không có quá nhiều điểm khác biệt với doanh nghiệp tư nhân. Do đó, trong thời gian tới, nhà làm luật cần xem xét về khả năng mở rộng đối tượng áp dụng của luật phá sản với các cá nhân kinh doanh.

3.3. Về chế định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản trong pháp luật phá sản hiện nay

Đây là một loại thiết chế mới, lần đầu tiên được quy định trong Luật Phá sản năm 2014, nên nhà làm luật dường như khá thận trọng khi trao quyền và xác định trách nhiệm cho thiết chế này khi tham gia giải quyết vụ việc phá sản.

Quản tài viên có nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, chịu trách nhiệm về hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật về phá sản. Nhằm đảm bảo Quản tài viên thực hiện đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình, ngăn chặn những hành vi vi phạm, gây thiệt hại cho các bên trong vụ việc phá sản, Luật Phá sản năm 2014 đã quy định trách nhiệm chung cũng như trách nhiệm cụ thể của Quản tài viên khi vi phạm pháp luật về phá sản. Điều 129 của Luật Phá sản năm 2014 quy định: “1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; 2. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trường hợp Quản tài viên, cá

nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản vi phạm pháp luật hình sự thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”.

Trên thực tế, hành vi vi phạm của Quản tài viên có thể là thực hiện không đúng, không đầy đủ các nhiệm vụ mà pháp luật quy định Quản tài viên phải thực hiện như: Lập bảng kê tài sản không đúng tình hình thực tế; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài sản, để làm thất thoát tài sản của doanh nghiệp; không đề nghị Thẩm phán quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp trong những trường hợp cần thiết, để thất thoát tài sản của doanh nghiệp mắc nợ; lập danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ sai sự thật; có hành vi làm thất thoát, hư hỏng tài sản của doanh nghiệp; không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản doanh nghiệp bị áp dụng thủ tục thanh lý tài sản; sử dụng trái phép tài sản của doanh nghiệp; lập báo cáo không trung thực về việc thực hiện các quyết định về phá sản... Đặc biệt, trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, quản tài viên có thể tiếp cận, biết được các thông tin thuộc về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp mắc nợ và có thể làm tiết lộ các thông tin này gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Như vậy, quy chế pháp lý về quản tài viên ngoài việc xác định thẩm quyền cũng cần phải xác định rõ trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ của quản tài viên phù hợp với bản chất pháp lý của loại chủ thể này. Quản tài viên (Trustees) với bản chất là người thụ ủy tư pháp, vừa đại diện chủ nợ, vừa đại diện cho con nợ trong quá trình giải quyết vụ phá sản, là người được ủy thác quản lý tài sản, đại diện hợp pháp thay mặt chủ sở hữu thực hiện các quyền năng đối với tài sản được ủy thác và tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập và vì vậy có thể trở thành nguyên đơn và bị đơn trong các quan hệ pháp luật cụ thể. Với bản chất này, có thể xem xét trách nhiệm/nghĩa vụ của quản tài viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý và thanh lý tài sản cũng giống như trách nhiệm của người quản trị doanh nghiệp trong quản lý, điều hành doanh

nh nghiệp, đó là nghĩa vụ trung thành, trung thực, cẩn trọng, kịp thời vì lợi ích của các chủ nợ và con nợ. Pháp luật phá sản Việt nam nên bổ sung quy định này nhằm đảm bảo cho hoạt động tác nghiệp của quản tài viên diễn ra phù hợp với lợi ích của người ủy quyền là các chủ nợ và con nợ.

3.4. Về thủ tục thương lượng trước khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Thực tiễn giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại Tòa án từ trước khi Luật Phá sản năm 2014 được ban hành cho thấy, ngay sau khi nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thẩm phán thường giải thích quyền và nghĩa vụ của các bên và đề các bên tự tiến hành thương lượng. Trong nhiều trường hợp, các bên thương lượng được với nhau và người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đã rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Để có căn cứ pháp lý cho việc tự thương lượng này, Luật Phá sản năm 2014 bổ sung quy định về thương lượng trước khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong trường hợp người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là chủ nợ. Tuy nhiên, theo nội dung của Khoản 1 Điều 37, việc thương lượng này chỉ diễn ra giữa con nợ với chủ nợ là người đệ đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản chứ không phải với tất cả các chủ nợ. Như vậy, nếu nội dung của thỏa thuận này chống lại hay gây tổn hại đến quyền lợi của các chủ nợ khác hoặc thẩm phán biết rõ con nợ đã lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán thì thẩm phán sẽ trả lại đơn cho chủ nợ nộp đơn hay tiếp tục thủ tục phá sản.

Có thể thấy rằng, quy định về việc thương lượng rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản trong Luật Phá sản năm 2014 hiện nay có thể là sự thử nghiệm cho thủ tục thanh toán/tái cấu trúc tự nguyện (thủ tục phá sản phi chính thức). Về vấn đề này, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cũng đã khuyến cáo việc tái cấu trúc doanh nghiệp ngoài tòa án cần được khuyến khích để đẩy nhanh quy trình xử lý nợ và tránh ùn tắc tại các tòa án. Cần cung cấp cho các thương nhân một bộ chỉ số để thông tin cho họ về nguy cơ phá sản để họ có thể bắt đầu sớm các thủ tục tái cấu trúc trước khi trở nên mất khả

năng thanh toán [17]. Khuyến cáo này sẽ rất có giá trị cho Việt Nam trong quá trình sửa đổi Luật Phá sản.

3.5. Vấn đề tài sản được loại trừ khỏi khối tài sản phá sản của con nợ

Luật Phá sản năm 2014 không đưa ra danh mục các tài sản thuộc diện loại trừ khỏi khối tài sản phá sản của con nợ, trong khi đó, nếu xét ở khía cạnh nhân đạo và thông lệ chung của quốc tế thì đối với trường hợp con nợ là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh thì pháp luật cũng phải xác định tài sản miễn trừ khi giải quyết phá sản đối với họ. Theo thông lệ của các nước thì các tài sản, quyền về tài sản được miễn trừ bao gồm: các đồ vật phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày mang tính chất tối thiểu của con nợ và các khoản trợ cấp cho con nợ do không còn khả năng lao động, do bệnh tật, do mất việc làm; tiền lương hưu, các khoản nhận được từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, các khoản cấp dưỡng sau khi ly hôn, tiền bồi thường do sức khỏe bị tổn hại do hành vi vi phạm pháp luật của người khác gây ra,... những tài sản được quy định miễn trừ khỏi tài sản phá sản là hợp lý và cần thiết. Vì vậy, pháp luật phá sản nước ta nên bổ sung quy định về các loại tài sản miễn trừ khỏi khối tài sản phá sản, không thuộc khối tài sản phá sản để đảm bảo lợi ích của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh khi doanh nghiệp của họ bị phá sản.

3.6. Về việc giải phóng nghĩa vụ trả nợ cho chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên hợp danh của công ty hợp danh

Việc thanh toán nợ của thương nhân/con nợ trong thủ tục phá sản phải phù hợp với quy chế pháp lý của từng loại thương nhân mà các đạo luật về thương nhân/tổ chức kinh doanh quy định. Ở Việt Nam, đương nhiên quy trình thanh lý tài sản của con nợ trong thủ tục phá sản phải phù hợp với quy chế pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp được quy định trong luật doanh nghiệp.

Như vậy, đối với các doanh nghiệp là công ty

trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thì khi bị phá sản, công ty sẽ dùng chính sản nghiệp thương mại của công ty để trả nợ, các thành viên công ty chỉ phải chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn đã góp vào công ty. Điều đó có nghĩa là, họ đương nhiên được giải phóng khỏi việc trả các món nợ mà công ty còn thiếu đối với các chủ nợ. Đối với doanh nghiệp tư nhân, Luật Doanh nghiệp quy định chủ doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về toàn bộ mọi hoạt động của doanh nghiệp bằng tài sản của chính mình, đồng thời doanh nghiệp tư nhân cũng không có tài sản độc lập, do đó, khi doanh nghiệp tư nhân phá sản, chủ doanh nghiệp sẽ phải mang toàn bộ tài sản cá nhân của mình (bao gồm cả tài sản không đưa vào kinh doanh) để trả cho các chủ nợ. Đối với công ty hợp danh, khi bị tuyên bố phá sản, trước tiên công ty sẽ mang sản nghiệp thương mại của công ty để trả nợ, nếu không đủ, các thành viên hợp danh sẽ phải liên đới cùng nhau mang tài sản cá nhân trả nợ thay cho công ty đối với phần còn thiếu.

Hiện nay, đa phần pháp luật phá sản các nước đều có quy định miễn trừ trách nhiệm tiếp tục trả nợ (thực chất là xóa nợ) đối với phần khoản nợ còn thiếu cho các cá nhân sau khi đã bị tuyên bố phá sản và mang hết tài sản hiện có để trả nợ trừ các trường hợp: trì hoãn việc làm đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi mất khả năng thanh toán; có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, nghĩa vụ hợp tác trong quá trình giải quyết vụ phá sản...

Đối với pháp luật Việt Nam, khoản 1 Điều 110 Luật Phá sản năm 2014 quy định: “Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản quy định tại các điều 105, 106 và 107 của Luật này không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh đối với chủ nợ chưa được thanh toán nợ, trừ trường hợp người tham gia thủ tục phá sản có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Việc buộc chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh trong công ty hợp danh phải tiếp tục trả các món nợ còn thiếu sau khi đã mang hết tài sản hiện có ra trả nợ là chưa thể hiện tính khoan dung và không khuyến khích, thúc đẩy con nợ tự nguyện tham gia thủ tục phá sản.

Như vậy, thiết nghĩ rằng pháp luật phá sản Việt Nam nên sửa đổi theo các thông lệ tiên bộ quốc tế, cụ thể là theo hướng miễn trách nhiệm cho chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh đối với các khoản nợ còn thiếu (chưa được thanh toán) sau khi thủ tục phá sản đã chấm dứt.

4. Kết luận

Pháp luật phá sản là một bộ phận quan trọng của khung pháp luật về hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Hoàn thiện pháp luật phá sản và nâng cao hiệu quả thực thi thủ tục phá sản sẽ có tác động tích cực đến môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh cải cách thể chế và pháp luật nhằm thúc đẩy sự phát triển của mình tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay, việc sửa đổi các quy định của Luật Phá sản năm 2014 là hết sức cần thiết và các nội dung sửa đổi cần hướng vào việc điều hòa xung đột lợi ích, tái cấu trúc doanh nghiệp mắc nợ; thúc đẩy phá sản tự nguyện và giảm chi phí cho thương nhân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính phủ, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2021 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;
- [2] Chính phủ, Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;
- [3] Chính phủ, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;
- [4] Chính phủ, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2021 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;
- [5] T. A. Tú, N. V. Giang, Điều hòa lợi ích giữa chủ nợ và con nợ thông qua thủ tục phá sản; Tạp chí Nghiên cứu lập pháp - Văn phòng Quốc hội; Số 3 năm 2012; tr 50-58;
- [6] T. V. Hà, Một số điểm khái quát kết quả triển khai thi hành Luật phá sản năm 2014, Tài liệu Hội thảo khoa học “Thực tiễn thi hành Luật phá sản năm 2014” của TANDTC, Hà Nội, ngày 04/12/2020;
- [7] Nhóm ngân hàng thế giới, Doing Business 2019, <https://www.worldbank.org/en/news/statement/2021/09/16/world-bank-group-to-discontinue-doing-business-report>, (accessed on: May 27th, 2025);
- [8] Nhóm ngân hàng thế giới, Business Ready 2024, <https://vcci.com.vn/an-pham/bao-cao-san-sang-kinh-doanh>, (accessed on: May 26th, 2025);
- [9] T. A. Tú, N. V. Giang, Điều hòa lợi ích giữa chủ nợ và con nợ thông qua thủ tục phá sản.
- [10] T. H. Jackson, Bankruptcy, Non-Bankruptcy Entitlement, and the Creditors' Bargain, 91 Yale L. J, 1982, pp 866-4;
- [11] D. K. T. Nguyên, Khái niệm phá sản, thủ tục phá sản và những liên hệ đến luật phá sản năm 2014, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24 (328), tháng 12/2016;
- [12] UNCITRAL, Legislative Guide on Insolvency Law, New York, 2005, pp. 12;
- [13] D. Đ. Huệ), Pháp luật phá sản Việt Nam, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, 2005, tr. 4;
- [14] T. T. T. Hà, Luận án Tiến sĩ Luật “Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ theo pháp luật phá sản Việt Nam”, 2019, tr. 79.
- [15] P. D. Nghĩa, Đi tìm triết lý của Luật phá sản, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11 (34) 2003.
- [16] Bộ Tư pháp, Dự thảo Luật phá sản (sửa đổi) 2025; <https://duthaoonline.quochoi.vn/dt/luat-pha-san-sua-doi/84F1B42A7AC1>; (accessed on: May 27th, 2025).
- [17] OECD, Báo cáo kinh tế Việt Nam 2023, nguồn: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/vi/publications/reports/2023/04/oecd-economic-surveys-viet-nam-2023_8d886a88/7f5fe56b-vi.pdf. (accessed on: May 27th, 2025).